

CÔNG TY CP THANH HOA SÔNG ĐÀ

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

Thanh Hoá, tháng 03/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THANH HOA SÔNG ĐÀ**

Số: 01/BCTN-THSD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO

Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **Công ty cổ phần Thanh Hoa Sông Đà**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **2800772376**
- Vốn điều lệ : **30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)**
- Địa chỉ : **25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa**
- Số điện thoại : **02373 724 892 / 02373 855 750**
- Số fax/Fax : **02373 855 750**
- Website : **<http://thanhhoasongda.com.vn>**
- Mã cổ phiếu : **THS**

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thanh Hoa Sông Đà tiền thân là Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa, cổ phần hóa theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Ngày 15/09/2003, UBND tỉnh Thanh Hóa đã phê duyệt Quyết định số 2941/QĐ/UB về việc chuyển đổi Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá thành công ty cổ phần với mức vốn điều lệ 5 tỷ đồng, lấy tên là Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa.

Do nhu cầu bức thiết phải đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tháng 5/2004, Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thanh Hoa đã mời Tổng Công ty Sông Đà góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà với số vốn điều lệ là 10,1 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty Sông Đà nắm giữ 51%.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã trải qua hai lần tăng vốn điều lệ. Tính đến năm 2010, Công ty chính thức ghi nhận mức vốn điều lệ là 30 tỷ đồng.

Năm 2014 Tổng Công ty Sông Đà thoái vốn (51% VDL) tại Công ty theo chủ trương chung của Nhà nước và Kế hoạch tổ chức lại Tổng công ty Sông Đà đã được Bộ Xây Dựng Phê duyệt. Từ ngày 26/05/2014 Công ty không còn phần vốn góp của Nhà nước, chuyển sang cơ chế quản lý mới với 100% vốn góp của các thể nhân.

Ngày đăng ký trở thành Công ty đại chúng : 12/04/2008

Ngày niêm yết CP công ty trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : 05/11/2013

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là kinh doanh thương mại bán buôn các mặt hàng tiêu dùng và dịch vụ cho thuê mặt bằng kinh doanh

- Kinh doanh thương mại
- Xí nghiệp 1: Bán buôn các mặt hàng sứ Hải Dương, Nhôm sắt tráng men Hải Phòng, nhựa Đại Đồng Tiến ...
- Xí nghiệp 2: Cung cấp và lắp đặt nội thất Hòa Phát, nội thất Xuân Hòa, Nội thất 190...
- Xí nghiệp 3: Bán buôn các mặt hàng chăn ga gối đệm Sông Hồng, Bóng đèn phích nước Rạng Đông, các loại quạt điện Thống Nhất, quạt Chinh Hai, quạt điện cơ 91...
- Xí nghiệp 6: Cung ứng và lắp đặt thiết bị điện tử, điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Panasonic, Daikin, Casper, Kangaroo...

Các xí nghiệp cung ứng bán buôn cho các đại lý và các dự án trong và ngoài tỉnh.

- Dịch vụ cho thuê

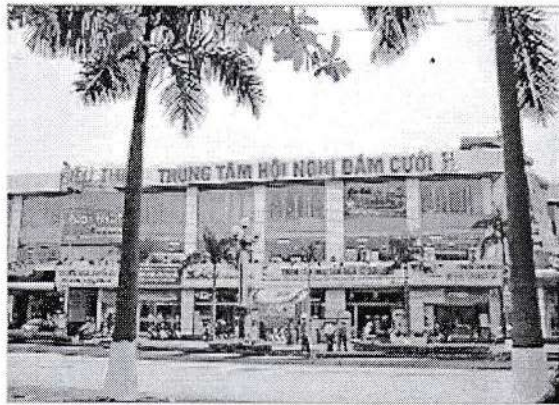
✓ Các điểm cho thuê:

Siêu thị Trần Phú tại địa chỉ Số 301 Trần Phú, Phường Ba Đình, TP Thanh Hóa, Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi tại địa chỉ 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, TP Thanh Hóa

✓ Các đơn vị thuê:

Tại Trung tâm thương mại 25 Lê Lợi: Chi nhánh Ngân hàng NN&PT nông thôn thành phố Thanh Hoá (*phòng giao dịch*), Công ty TNHH DV&VT Vân Anh (*nội thất Gia Khánh*), Công ty TNHH Hoàng Lý (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty TNHH may thuê giày An Phước (*hàng thời trang*), Công ty TNHH Ngôi Sao (*cửa hàng xe máy YAMAHA*), Công ty CP Nguyệt Anh (*hàng bảo hộ lao động*), Công ty TNHH Toàn Cầu TTA (*phòng tập thể dục thẩm mỹ*).

Tại Siêu thị Trần phú: Công ty CP Mediamart VN (*Siêu thị điện máy*)



Trung tâm thương mại 25 Đại lộ Lê Lợi



Trung tâm thương mại 301 Trần Phú

Đơn vị tính: 1.000 đồng

SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ	NĂM 2019		NĂM 2020		NĂM 2021	
	GIÁ TRỊ	% DTT	GIÁ TRỊ	% DTT	GIÁ TRỊ	% DTT
Doanh thu bán hàng hóa	277.344.962	96,8%	254.245.339	96,6%	268.406.511	96,4
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.161.487	3,2%	8.830.214	3,4%	10.008.997	3,6
Doanh thu thuần	286.506.449	100%	263.075.553	100%	278.415.508	100%

Hoạt động SXKD năm 2021 của Công ty diễn ra trong tình hình thị trường hết sức khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên Công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Trong đó, doanh thu bán hàng hóa của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu thuần của toàn Công ty (96,4% doanh thu thuần).

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị: 1.000 đồng

SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ	NĂM 2019		NĂM 2020		NĂM 2021	
	GIÁ TRỊ	% LNG	GIÁ TRỊ	% LNG	GIÁ TRỊ	% LNG
Lợi nhuận bán hàng hóa	12.640.245	64,1%	12.614.708	65,5%	12.196.577	60
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	7.067.724	35,9%	6.657.990	34,5%	8.112.746	40
Lợi nhuận gộp	19.707.969	100%	19.272.698	100%	20.309.324	100

Mặc dù Doanh thu của hoạt động cung cấp dịch vụ chỉ chiếm 3,6% trong doanh thu thuần của toàn Công ty nhưng lợi nhuận gộp của hoạt động này lại luôn

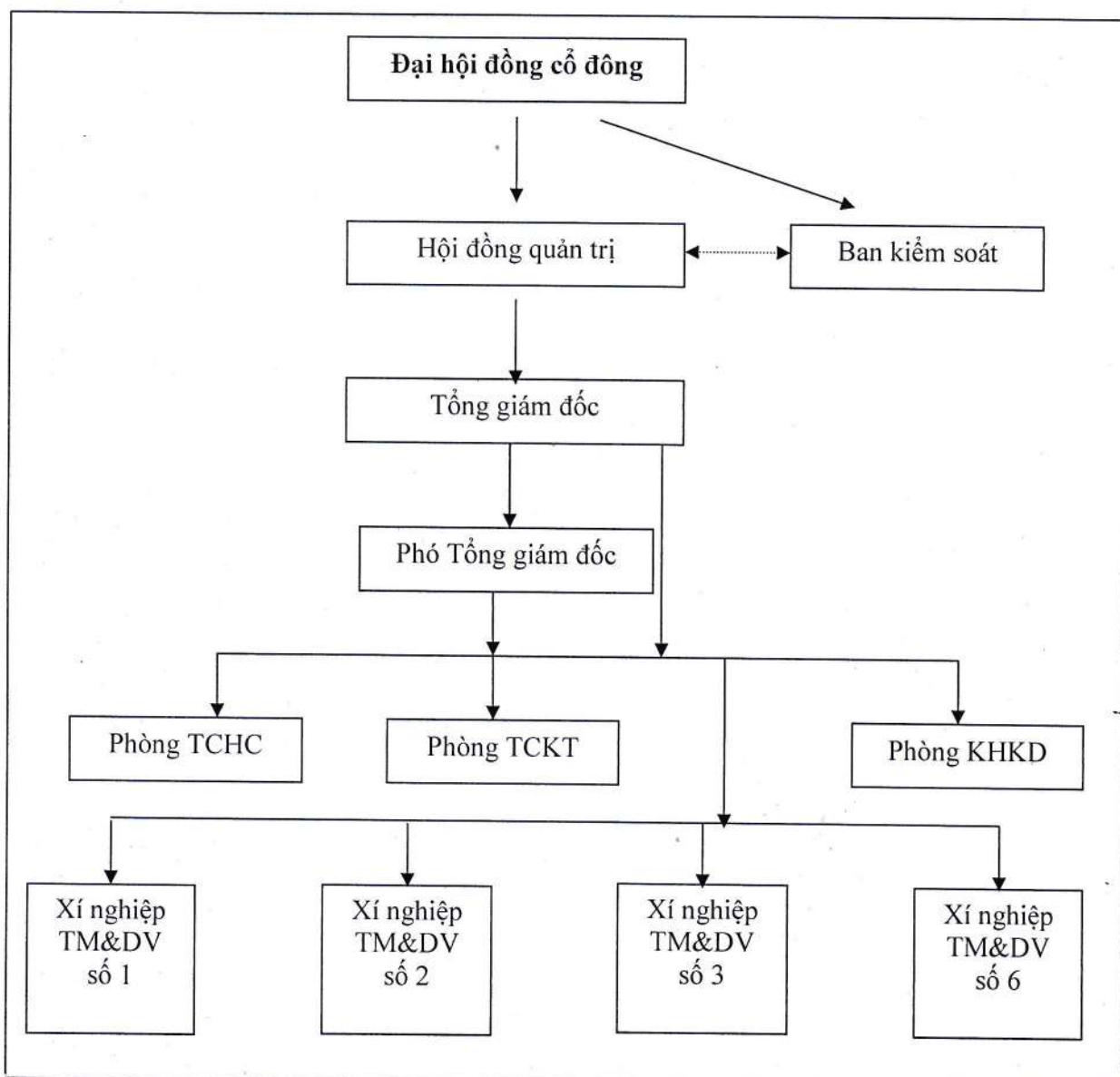
chiếm tỷ trọng khoảng lớn (40%). Điều này cho thấy mảng hoạt động này hiệu quả cao và ổn định.

Trong năm 2021, trong điều kiện kinh doanh vô cùng khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19, Công ty đã chủ động linh hoạt ứng biến, cố gắng tổ chức hoạt động kinh doanh ổn định nên mặc dù doanh thu thuần giảm nhưng vẫn đảm bảo giữ được mức lợi nhuận gộp từ hoạt động này so với các năm trước.

2.2. Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty bao gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

Các phòng ban Công ty

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: Có chức năng nắm bắt các thông tin kinh tế thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư cho từng giai đoạn, lập phương án kinh doanh cụ thể và giám sát thực hiện, tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Phòng Tài Chính – Kế toán: Chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định nhà nước; tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán; Giúp Tổng Giám đốc công ty về công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, tiền vốn, chi phí sản xuất kinh doanh) để đạt được mục đích đề ra của Đại hội cổ đông và hội đồng quản trị, phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật hiện hành, các quy định của nhà nước về kế toán thống kê.

- Phòng Tổ chức - Hành chính: Là một bộ phận tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc Công ty trong việc tổ chức và quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản trị văn phòng, công tác bảo vệ, an ninh trật tự.

Các xí nghiệp

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 1:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại/Fax: 0237. 3853 936
- Email: Xinghiiep1@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng dân dụng bằng nhôm, sứ, nhựa, inox ...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 2:

- Địa chỉ: 13 Cao Thắng – Phường Lam Sơn - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 204 Fax: 037. 3753 190
- Email: Xinghiiep2@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng nội thất dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 3:

- Địa chỉ: 301 Trần Phú – P. Ba Đình - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3852 212 Fax 037. 3852 212
- Email: Xinghiiep3@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng chăn ga gối đệm bóng đèn phích nước, đồ điện dân dụng...

Xí nghiệp Thương mại & Dịch vụ Số 6:

- Địa chỉ: Lô CC4 Khu CN Tây Bắc Ga – P. Đông Thọ - TPTH
- Điện thoại: 0237. 3716 336 Fax 037. 3716 336
- Email: Xinghiiep6@thanhhoasongda.com.vn
- Chức năng, nhiệm vụ: Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh các hãng Aqua, Funiki, Samsung, LG, Panasonic, Daikin, Casper, Kangaroo...

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Xây dựng và phát triển Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà thành doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ có tính chuyên nghiệp cao, đủ sức cạnh tranh, có vị thế xứng đáng và vững chắc trên thị trường, đặc biệt là thị trường Thanh Hóa

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phương hướng cơ bản kinh doanh giai đoạn (2019-2024) là tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh để mở rộng thị trường, phát triển mặt hàng ngành hàng mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, khẳng định vị thế của công ty về các mặt hàng kinh doanh chủ lực trên thương trường

- Một số chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2019 – 2024)

Tổng giá trị SXKD: 1.815 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm 8%.

Doanh thu : 1.650 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 8 %.

Lợi nhuận TT : 17,7 tỷ VNĐ, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 5%.

Cổ tức bình quân 9,4%/năm, tăng bình quân hàng năm là 4%

Nộp ngân sách nhà nước: 16,7 tỷ VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 5 %.

Thu nhập BQ người lao động: 8,7 triệu VNĐ, tăng bình quân hàng năm là 4 %.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định cho người lao động.

- Định hướng phát triển

Tập trung cao độ vào các mặt hàng công ty có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát huy các ngành hàng mới có tiềm năng để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh, ưu tiên hàng đầu mục tiêu lợi nhuận, nâng cao cổ tức cho cổ đông và thu nhập của người lao động trong công ty

Thực hiện đầu tư hợp lý, đem lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, nâng cao tính hiệu quả, khoa học, minh bạch và tuân thủ pháp luật

Đổi mới công nghệ kinh doanh, triển khai kinh doanh thương mại điện tử

Mở rộng thị trường, giao lưu liên kết nắm bắt cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế của nền kinh tế mang lại

5. Các rủi ro:

Là một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, hoạt động chủ đạo đồng thời cũng là thế mạnh của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà là kinh doanh dịch vụ thương mại. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ thay đổi của nền kinh tế như tăng giảm tốc độ tăng trưởng GDP, các biến động trong chính sách tài khóa, tiền tệ và các rủi ro khác

5.1. Rủi ro về kinh tế

Dịch bệnh Covid-19 đã làm đảo lộn nền kinh tế toàn thế giới liên tiếp 2 năm qua với những diễn biến không thể đoán trước.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời nhận diện được cả cơ hội

lẫn thách thức để xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, đồng thời niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với Công ty niêm yết.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản quy định mới

5.3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

- Phải thu khách hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

- Rủi ro ngoại tệ: Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

- Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá khác: Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,..... Để giảm thiểu một cách tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà luôn thực hiện tốt quy định Công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của những cá nhân liên quan đối với việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 06/10/2016 và Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 16/11/2020 có hiệu lực từ 01/01/2021 và thay thế cho Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2016 hướng dẫn Công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK ngày 29/9/2016. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5.5. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, hoả hoạn, dịch hoạ, chiến tranh ... là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ đầu năm đến nay, Công ty cùng với cả nước đã gồng mình cố gắng vượt qua những khó khăn do dịch bệnh Covid-19 và tình hình mưa bão lũ lụt gây ra. Công tác kinh doanh của Công ty trì trệ khó khăn, chỉ tiêu Doanh thu và Thu nhập không thể hoàn thành kế hoạch nên Công ty đã đề nghị và được ĐHCĐ thông qua việc điều chỉnh kế hoạch. Tuy nhiên Công ty đã làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh, đã nỗ lực cố gắng duy trì được hoạt động kinh doanh suy giảm không nhiều, đảm bảo hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã điều chỉnh.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	275.000.000.000	280.329.070.388	102
2	Vốn điều lệ	30.000.000.000	30.000.000.000	100
3	Lợi nhuận trước thuế	3.200.000.000	4.722.509.578	148
4	Lợi nhuận sau thuế	2.560.000.000	3.777.096.487	148
5	Cổ tức (%/năm)	8	10	125

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)
Nguyễn Thanh Hải	Tổng giám đốc	225.000	7,50
Phạm Văn Lợi	Phó tổng giám đốc	0	0
Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng	70.000	2,33

Tóm tắt sơ yếu lý lịch

Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Thanh Hải

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171474060 Ngày cấp: 19/05/2009 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 23/10/1960

Nơi sinh: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hà Bình - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 54 Quán Giò – P.Trường Thi – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0913.081.812
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác:

1978 - 1986	Đi bộ đội
1987 - 2002	Làm việc tại phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá
Năm 2003 - 18/04/2004	Phó Giám đốc Công ty Thương mại & Dịch vụ Thanh Hoa
19/05/2004- 07/2006	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
07/2006 - 31/05/2009	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà
01/06/2009 - 7/12/2013	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà
08/12/2013 đến nay	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 225.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Hoa	Vợ	15.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Phạm Văn Lợi – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **Phạm Văn Lợi**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 038084000625 Ngày cấp: 26/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát

Ngày tháng năm sinh: 01/05/1984

Nơi sinh: Kim Sơn - Hà Đông - Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Kim Sơn - Hà Đông - Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: 04C/724 Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, TPTH
Số điện thoại liên lạc: 0987614568
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:

9/2006 – 3/2008	Nhân viên tư vấn xuất khẩu lao động Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
4/2008 - 3/2010	Nhân viên Kinh doanh Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
2/2010-12/2010	Phó phòng Kinh doanh Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
10/2014 - 8/2015	Phó Giám đốc Xí nghiệp TM&DV Số 6 - Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
9/2015 - 2/2021	Giám đốc Xí nghiệp TM&DV Số 6 - Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
3/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa – Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Bà Vũ Thị Lý - Kế toán trưởng

Họ và tên: **Vũ Thị Lý**

Giới tính: Nữ

Số CMTND: 171409130 Ngày cấp: 13/10/1999 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1983

Nơi sinh: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Lô số 52, MBQH 2155, P.Đông Vệ, TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0984.034.443/0373.724.892

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

03/2006 - 03/2008	Kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
03/2008 - 05/2009	Phó phòng kế toán Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
06/2009 - 07/2011	Trưởng phòng kế toán Cty CP Thanh Hoa - Sông Đà
Từ 08/2011 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 70.000 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Các trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Phạm Văn Lợi	Phó tổng giám đốc	05/03/2021	
Chu Thị Hòa	Phó tổng giám đốc		15/11/2021
Lê Văn Tường	Phó tổng giám đốc		15/11/2021

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Tính đến ngày 31/12/2021, toàn Công ty có 63 lao động.

Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2021 như sau:

TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG (người)	TỶ LỆ (%)
Loại hợp đồng lao động (HĐLĐ)	63	100%
- HĐLĐ không xác định thời hạn	43	68%
- HĐLĐ ngắn hạn (1-3 năm)	20	32%
Trình độ đào tạo	63	100%
- Đại học và trên đại học	38	61%
- Trung cấp + Cao đẳng	18	30%
- Sơ cấp	7	9%
- Công nhân	0	0%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công tác đào tạo: Công ty coi trọng công tác đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu, đào tạo đón đầu để nâng cao năng suất, chất lượng lao động, Trước mắt, Công ty sẽ tập trung đào tạo về chuyên môn và tăng cường bổ sung kiến thức quản trị đối với đội ngũ cán bộ trẻ tại phòng ban và các đơn vị trực thuộc đáp ứng theo yêu cầu trong nhiệm vụ mới.

Công tác tuyển dụng: Trong năm Công ty đặt ra chỉ tiêu xem xét lại số lao động dôi dư, đồng thời tuyển dụng thêm một số lao động thực sự có năng lực chuyên môn, đặc biệt là cán bộ kinh doanh và quản lý.

Về công tác xây dựng và áp dụng hệ thống định mức lao động: Thực hiện Quy chế trả lương theo năng suất đã ban hành, áp dụng đồng bộ phương thức bán hàng theo đơn đặt hàng và trả lương theo đơn giá tiền lương, đảm bảo tính tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí.

Về thực hiện chế độ, chính sách:

- Hệ thống quy chế lương, thưởng của Công ty phù hợp theo hướng gắn liền tiền lương, thu nhập của người lao động với chất lượng lao động và hiệu quả công tác, coi trọng lao động có trình độ chuyên môn và tính kỷ luật cao.

- Tiếp tục sắp xếp lại lao động phù hợp với trình độ chuyên môn, xây dựng chế độ khuyến khích đối với người lao động có trình độ chuyên môn cao, hoàn thiện cơ chế trả lương hợp lý, thật sự khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo lại đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của Pháp luật và các Quy định của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.

- Duy trì chế độ phúc lợi, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua các hoạt động văn hoá xã hội, chính sách chăm sóc người lao động ốm đau, tai nạn,... chính sách với những người lao động đã nghỉ hưu, mất sức lao động, với con em người lao động đã và đang làm việc với Công ty, tổ chức thăm quan nghỉ mát hàng năm. Tổ chức Công đoàn đại diện cho người lao động ký thoả ước lao động tập thể với Công ty để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

- Mục tiêu của Công ty sẽ cố gắng tạo dựng được môi trường làm việc tốt nhất để người lao động có đầy đủ điều kiện phấn đấu phát triển cùng sự phát triển của Công ty, duy trì văn hoá doanh nghiệp lành mạnh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm Công ty đầu tư mua sắm thêm 01 xe tải mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp 2. Tổng giá trị đầu tư là: 507 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	(Tăng +, giảm -)
1	Tổng giá trị tài sản	1.000đ	76.897.241	74.000.938	-2.896.303
2	Doanh thu thuần	1.000đ	263.033.938	278.415.508	+15.381.570
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.000đ	3.272.508	4.159.610	+887.102
4	Lợi nhuận khác	1.000đ	710.393	562.899	-147.494
5	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	3.982.901	4.722.509	+739.608
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	3.185.950	3.777.096	+591.146
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10	10	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	1,32	1,45
	- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng TK)/Nợ NH	lần	0,43	0,49
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	lần	0,50	0,46
	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	0,99	0,87
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bq)	Vòng	8,0	7,7
	- Doanh thu thuần / Tổng TS	lần	3,4	3,8
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	lần	0,012	0,014
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn Chủ sở hữu	lần	0,082	0,095
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	lần	0,041	0,051
	- Hệ số lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	lần	0,015	0,017

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần	:	3.000.000 CP
Bao gồm:	- Cổ phiếu quỹ	: 300.000 CP
	- Cổ phiếu hiện đang lưu hành	: 2.700.000 CP
Trong đó:	+ Cổ phần chuyển nhượng tự do	: 2.700.000 CP
	+ Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (nghìn đ)	Tỷ lệ (%)	SL CP	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp:	2.997.900	29.979.000	99,93%	2.100	21.000	0,07%
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0%			
2. Cổ đông nội bộ: (Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền CBTT và người có liên quan)	1.807.933	18.079.330	60,26%			
3. Cổ đông trong công ty:						
- Cổ phiếu quỹ	300.000	3.000.000	10,00%			
- Cán bộ công nhân viên	277.840	2.778.400	9,26%			
4. Cổ đông ngoài công ty:						
- Cá nhân	612.127	6.121.270	20,40%	2.100	21.000	0,07%
- Tổ chức	45	450	0,00%	2.100	21.000	0,07%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: **Không có**

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: **Không có**

e) Các chứng khoán khác: **Không có**

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Khó khăn: Ngay từ đầu năm, dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại và diễn biến ngày càng nguy hiểm từ cuối tháng 4 đến nay đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của toàn nền kinh tế. Những thiệt hại gây nên cho nền kinh tế cho doanh nghiệp và người dân là cực kỳ to lớn: SDKD đình đốn, thị trường kiệt quệ, xã hội phải giãn cách... Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty phải luôn chủ động, cầm chừng để tránh những ảnh hưởng xấu nhất do dịch bệnh có thể gây ra. Công ty có sự thay đổi lớn về sở hữu: 2/5 thành viên HĐQT và TV Ban TGD đã không còn nắm giữ cổ phần công ty, hầu hết người lao động trong Công ty đều bán CP nắm giữ. XN3 tình hình kinh doanh và công tác tổ chức nhiều khó khăn chưa khắc phục được.

- Thuận lợi: Tình hình tài chính công ty ổn định, một số mặt hàng vẫn giữ được quy mô và tốc độ tăng trưởng khá. Công ty tiếp tục nhận được các hỗ trợ từ các chính sách chung của Chính phủ về giãn nộp thuế, và giảm tiền thuê đất, đó là những điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	275.000.000.000	280.329.070.388	102
2	Vốn điều lệ	30.000.000.000	30.000.000.000	100
3	Lợi nhuận trước thuế	3.200.000.000	4.722.509.578	148
4	Lợi nhuận sau thuế	2.560.000.000	3.777.096.487	148
5	Cổ tức (%/năm)	8	10	125

- Trong năm 2021, với nhiệm vụ chủ yếu là vừa đảm bảo chống dịch an toàn, vừa đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD, toàn Công ty đã tập trung, chủ động và linh hoạt trong mọi hoạt động, và đã đạt được kết quả đáng khích lệ với mức DT 278,4 tỷ đồng, bằng 101% KH năm và bằng 105% so với cùng kỳ năm trước, Lợi nhuận đạt 4,7 tỷ đồng bằng 147% KH năm và bằng 118% so với cùng kỳ năm trước.

- Công ty đã giữ vững được thị trường một số mặt hàng truyền thống như quạt điện, nội thất, điện lạnh Hoà Phát, Aqua, nhôm Hải Phòng... Đồng thời đã phát triển thêm được các mặt hàng mới như: đồ điện Kangaru, Nội thất Quy Phúc..., đến nay các mặt hàng này đã xác lập được thị phần đáng kể trên thị trường và có hiệu quả.

- XN6 là đơn vị đạt được mức DT cao nhất 167,6 tỷ bằng 116% KH năm và bằng 112% so với năm 2020, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. XN liên tục đa dạng thêm nhiều mặt hàng trong nhóm hàng gia dụng, điện tử, điện lạnh.

- XN2 có nhiều cố gắng tích cực, hoạt động kinh doanh của XN ổn định, đảm bảo hiệu quả kinh doanh và thu nhập cho người lao động.

- XN3 trong điều kiện dịch bệnh kéo dài đã tiết chế bớt một số mặt hàng tồn kho cao, thanh lý hợp đồng với NCC mặt hàng kinh doanh hiệu quả thấp. Tuy nhiên trong 6 tháng cuối năm tình hình kinh doanh khó khăn, doanh thu giảm sút, hiệu quả thấp, chỉ đảm bảo lương cơ bản cho người lao động.
- XN1 đã phát triển thành công mặt hàng mới Quy Phúc, xóc lại tình hình hình kinh doanh mặt hàng nhựa Đại Đồng Tiến. Tuy nhiên công tác kinh doanh còn nhiều khó khăn, quy mô nhỏ, từ tháng 5-8 không cân đối được tài chính.
- Trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài, Công ty đã có nhiều điều chỉnh linh hoạt với các đối tác thuê mặt bằng để giữ chân khách thuê và phát huy tối đa hiệu quả từ hoạt động cho thuê mang lại. Nhất là hợp đồng cho Công ty Vân Anh thuê có hiệu lực thu tiền từ T12/2020 (sau khi Công ty An Thành thanh lý hợp đồng từ 30/7/2020), Công ty đã cho thuê hết diện tích tầng 2 TTTM 25 Lê Lợi để trống lâu nay, doanh thu tăng thêm 45 triệu đồng / tháng. Đây là 1 trong những nguyên nhân chủ yếu nhất giúp Lợi nhuận Công ty tăng trưởng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	Biến động
Tổng tài sản	1.000đ	76.897.241	74.000.938	-2.896.303
- Tài sản ngắn hạn	1.000đ	50.496.730	49.803.192	-693.538
- Tài sản dài hạn	1.000đ	26.400.511	24.197.745	-2.202.766

- Tổng tài sản cuối kỳ năm 2021 so với cuối kỳ năm 2020 giảm 2.896 triệu đồng chủ yếu do giá trị khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư phát sinh trong năm.

- Để đảm bảo an toàn vốn, Công ty đã tổ chức đánh giá tuổi nợ của tất cả các khoản công nợ phải thu, một số khoản hàng tồn kho chậm bán do lỗi mốt, thẩm định lại mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại thời điểm 31/12/2021 mức trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi là: 843 triệu đồng, mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 515 triệu đồng.

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2020	31/12/2021	Biến động
Nợ phải trả	1.000đ	38.272.363	34.362.683	-3.909.680
- Nợ ngắn hạn	1.000đ	38.272.363	34.362.683	-3.909.680
- Nợ dài hạn	1.000đ	0	0	0

- Nợ ngắn hạn giảm 3.909 triệu đồng chủ yếu do giảm dư nợ các nhà phân phối do một số nhà cung cấp thay đổi chính sách thanh toán công nợ bán hàng.
- Hiện Công ty không có nợ phải trả xấu

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1. Công tác quản lý

- Các XN làm tốt chỉ đạo của HĐQT Công ty v/v tiết chế nhập hàng, giảm tồn kho, tích cực thu hồi công nợ. Đây là quyết định đúng đắn trong điều kiện dịch bệnh kéo dài và phức tạp, góp phần giúp các đơn vị cơ bản đảm bảo ổn định công tác kinh doanh.
- Công ty đã tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ do dịch bệnh Covid: giảm lãi suất tiền vay, giãn nộp thuế, giảm tiền thuê đất, giảm tỷ lệ trích nộp BHXH. Đồng thời Công ty đã hỗ trợ Quỹ phòng chống Covid số tiền 80 triệu đồng, hỗ trợ lương cơ bản cho người lao động: 116,9 triệu đồng, hỗ trợ tiền thuê kho quây các XN: 48,5 triệu đồng, hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các khách hàng thuê: 239,1 triệu đồng. Tổng số tiền đã hỗ trợ là 485 triệu đồng.
- Sử dụng hiệu quả phần mềm Amis nâng cao trình độ quản trị điều hành Công ty, tạo điều kiện cho công tác quản lý khoa học, minh bạch, hiệu quả.

3.2. Công tác tổ chức

- Tăng lương 5% cho toàn thể CBCNV Công ty từ T1/2021
- Công tác nhân sự: bổ nhiệm Phó TGĐ Công ty, bổ nhiệm GD XN1, điều động và tuyển dụng bổ sung nhân sự cho các XN
- Phát hành hệ thống quy chế năm 2021 của Công ty (sách điện tử).
- Triển khai trong toàn thể CBCNV ứng dụng VSSID-BHXH số để sử dụng thay thế sổ BHXH và thẻ BHYT.
- Đảm bảo công tác PCCC, PCBL, an ninh trật tự, bảo vệ an ninh an toàn.
- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch Covid 19 theo các Chỉ thị của Chính phủ

3.3. Đánh giá chung

Trong điều kiện kinh doanh vô cùng khó khăn do dịch bệnh, tình hình nội bộ Công ty lại có nhiều thay đổi, toàn công ty dưới sự chỉ đạo của các thành viên chủ chốt đã có nhiều nỗ lực để ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh. Doanh thu, Lợi nhuận tăng trưởng, đảm bảo việc làm và thu nhập cơ bản ổn định cho người lao động. Kết quả đó thể hiện sự nỗ lực cố gắng đáng khích lệ của toàn thể CBCNV Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhận định tình hình

Khó khăn:

Tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đến toàn nền kinh tế và đời sống.

Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình tiêu thụ của hệ thống khách hàng truyền thống của Công ty.

Thuận lợi :

Tuy nhiên trong năm sẽ có sự khôi phục mạnh mẽ của nền kinh tế, toàn Công ty cần chủ động nắm bắt thời cơ, linh hoạt sáng tạo để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh tốt.

Mặc dù tình hình thị trường nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn cơ bản giữ được ổn định về thị phần thị trường, tiềm lực tài chính, hệ thống kho tàng, phương tiện vận tải.

Công ty đã phát triển được những mặt hàng chủ lực mang lại hiệu quả và quy mô doanh thu cao cho Công ty.

4.2. Phương hướng cơ bản năm 2021

Tiếp tục tập trung các nguồn lực để phát triển các mặt hàng đang có thế mạnh cạnh tranh, tăng trưởng khá; khai thác thêm các mặt hàng mới tương xứng với các nguồn lực sẵn có; phát triển đồng thời bán buôn, bán lẻ, bán dự án; đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng; cơ cấu lại công tác tổ chức; không ngừng nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

4.3. Một số chỉ tiêu kinh tế

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Tổng doanh thu	280.329.070.388	284.600.000.000
2	Vốn điều lệ	30.000.000.000	30.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	4.722.509.578	5.000.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	3.777.096.487	4.000.000.000
5	Cổ tức	10	12

4.4. Công tác kinh doanh

- Toàn Công ty phải tập trung tối đa cho mục tiêu kép, vừa đảm bảo an toàn công tác chống dịch Covid-19, vừa phát triển kinh doanh để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 đã đề ra.
- Tập trung củng cố và mở rộng hệ thống phân phối, làm tốt công tác chăm sóc khách hàng.

- Quan hệ tốt với các nhà cung ứng, tranh thủ các chính sách hỗ trợ nhằm tạo được lợi thế bán hàng trên thị trường và tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tiếp tục đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm mặt hàng mới. Đây là một nhiệm vụ quan trọng của tất cả các XN trong công ty. Tuy nhiên việc phát triển mặt hàng mới yêu cầu phải thận trọng, chắc chắn, giảm thiểu tối đa mọi rủi ro có thể xảy ra.

4.5. Công tác quản lý

- Quan tâm công tác quản lý công nợ, hàng tồn kho phù hợp với tình hình kinh doanh trong từng giai đoạn, thường xuyên đôn đốc rà soát, xử lý các khoản hàng hóa và công nợ tồn đọng.
- Tăng cường công tác quản lý doanh thu, các chính sách hậu mãi, thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tuân thủ chế độ công bố thông tin Công ty niêm yết theo quy định Pháp luật.

4.6. Công tác tổ chức:

- Tinh gọn bộ máy quản lý, định biên lao động phù hợp trong từng bộ phận, phòng ban, Xí nghiệp. Quan tâm công tác đội ngũ kinh doanh tại các đơn vị. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng và tạo điều kiện cho đội ngũ trẻ kế cận các chức danh quản lý.
- Rà soát và điều chỉnh phương án tiền lương, tiền thưởng trong toàn Công ty cho phù hợp với tình hình, nhằm khuyến khích năng suất lao động.
- Đảm bảo tốt các công tác về PCCC, PCBL, công tác vệ sinh môi trường, công tác an ninh bảo vệ.
- Chăm lo đời sống CBCNV, nâng cao thu nhập cho NLĐ, ổn định công tác tư tưởng giúp CBCNV yên tâm công tác.
- Đảm bảo an toàn công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phân đầu thu nhập bình quân đạt 8,3 triệu đ/ng/th và đồng đều giữa các XN.

4.7. Công tác đầu tư

- Nghiên cứu đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

4.8. Công tác điều hành

- Chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh linh hoạt, phù hợp với thị trường.
- Tích cực hỗ trợ XN1, XN3 bằng mọi biện pháp, sớm khắc phục khó khăn, ổn định và phát triển
- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý tiền, hàng của Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Công tác từ thiện, xã hội: Đã hỗ trợ Quỹ người khuyết tật và trẻ mồ côi của tỉnh 20trđ. Thăm hỏi tặng quà 3 gia đình CBCNV khó khăn và 1 gia đình Công ty đang hỗ trợ hàng tháng nhân dịp tết đến xuân về mỗi gia đình 2trđ. Tặng quà cho 2 gia đình CNVLD của chương trình “Tết sum vầy - kết nối yêu thương” của CĐ ngành công thương phát động mỗi gia đình 500.000 đ. Ủng hộ 80 triệu đồng quỹ vacxin PCD covid thông qua Ủy ban MTTQ tỉnh TH.

- Công ty đã hỗ trợ khó khăn do dịch Covid-19 cho các XN: hỗ trợ lương cơ bản cho người lao động: 116,9 triệu đồng, hỗ trợ tiền thuê kho quây các XN: 48,5 triệu đồng, hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các khách hàng thuê: 239,1 triệu đồng. Tổng số tiền đã hỗ trợ là 485 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

1.1. Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch đề ra

1.2. Điều hành kinh doanh ứng phó với đại dịch Covid một cách hiệu quả

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống Covid của Chính phủ. Các quyết định điều hành đều rất kịp thời và dứt khoát, ngay cả quyết định đóng cửa kho hàng, quây hàng.

- Trên cơ sở nhận định, đánh giá, dự báo đúng tình hình thị trường từ đó bình tĩnh ứng phó, điều chỉnh kinh doanh phù hợp, giảm thiệt hại, từng bước vượt qua khó khăn.

- Thực hiện tốt công tác hỗ trợ các Xí nghiệp trực thuộc và cả các đối tác kinh doanh gặp khó khăn, ổn định công ăn việc làm, thu nhập người lao động. Những tháng phải đóng cửa SXKD hoặc khó khăn nhất thu nhập tối thiểu người lao động bằng mức lương cơ bản theo cấp bậc, thu nhập bình quân năm cao hơn năm trước. Các đối tác thuê mặt bằng kinh doanh cũng được hỗ trợ giảm tiền thuê mặt bằng, giúp các đối tác vượt qua khó khăn.

1.3. Các Xí nghiệp trực thuộc đã thể hiện được bản lĩnh và tính bền vững của mình trước tình hình nghiệt ngã của thị trường. Trong đó Xí nghiệp 6 là đơn vị đạt được mức DT cao nhất, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, liên tục đa dạng thêm nhiều mặt hàng mới.

1.4. Tìm kiếm đối tác cho thuê khai thác hết diện tích kinh doanh còn để trống tại khu Trung tâm TM 25 Lê Lợi và phát huy hiệu quả

1.5. Nâng cấp công nghệ quản trị doanh nghiệp thông qua việc áp dụng phần mềm AMIS trong Công ty.

Thông qua việc nâng cấp này việc cập nhật các mặt hàng kinh doanh được kịp thời

chính xác, các quyết định kinh doanh quản lý khoa học và hợp lý hơn, hạn chế nhiều khuyết điểm trong quản trị trước đây.

1.6. Tiếp tục làm tốt công tác quản lý công nợ phải thu, hàng tồn kho, dư nợ tiền vay, quản lý chặt chẽ vốn kinh doanh. Việc kê khai thanh toán các khoản từ hỗ trợ của nhà nước và ngân hàng (các doanh nghiệp bị ảnh hưởng vì Covid) được thực hiện kịp thời, đầy đủ.

1.12. Khuyết điểm, nhược điểm:

- Một số mặt hàng kinh doanh không hiệu quả phải xem xét để thanh lý hợp đồng với NCC: Nagakawa, Vinh Phát.
- XN3 lần đầu tiên trong nhiều năm không hoàn thành KH tất cả các chỉ tiêu kinh tế, hoạt động kinh doanh sa sút, công tác tổ chức bất ổn. Từ tháng 9 sau khi kết thúc đợt dịch lần thứ 4, các XN đều bứt phá hoạt động kinh doanh có hiệu quả, riêng XN3 đến cuối năm vẫn chưa thoát khỏi khó khăn.
- XN2, XN3 sau thời gian thử nghiệm triển khai hoạt động trang thương mại điện tử nhưng đến nay không duy trì được do chưa phù hợp.
- Thu nhập người lao động tại nhiều XN chưa được đảm bảo như XN1, XN3, nhiều tháng liên tục chỉ có lương cơ bản.

Đánh giá chung: Năm 2021 đại dịch COVID-19 đã tác động đặc biệt to lớn đến kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn kịp thời lãnh đạo và quản lý công ty vượt qua thử thách hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm thu nhập của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, tăng cường công tác tổ chức các Xí nghiệp, nâng cấp công tác quản trị toàn công ty, xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá. Đây là những thành tựu hết sức có ý nghĩa khẳng định bản lĩnh, vai trò của HĐQT cũng như sự trưởng thành của hệ thống quản lý công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban TGD Công ty đã bám sát vào nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, đồng thời có sự linh hoạt trong điều hành. Mỗi tháng, mỗi quý đều có chương trình kế hoạch, công tác trọng tâm để tập trung chỉ đạo.

Đánh giá chung: ban TGD đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ điều hành công ty được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá tình hình

Khó khăn

- Trong nửa đầu năm 2022 đại dịch COVID-19 vẫn còn tác động tiêu cực đến nền kinh tế các nước. Kinh doanh các doanh nghiệp vẫn bị kìm hãm, tình trạng thất nghiệp, thu nhập thấp ảnh hưởng lớn đến sức cầu, thị trường còn trì trệ. Thời tiết có

thể diễn biến cực đoan, khó lường.

- Sự cạnh tranh thương trường ngày càng quyết liệt do nguồn cung dư thừa trong khi khả năng thanh toán của dân cư hạn chế.
- Sự tiến bộ của công nghệ: Công nghệ sản xuất, công nghệ bán hàng, công nghệ quản trị diễn ra cực kỳ nhanh chóng, là một thách thức to lớn với các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng. Đòi hỏi công ty phải thích nghi nếu không muốn tụt hậu và bị đào thải.

Thuận lợi

- Thị trường sau COVID-19 sẽ hồi phục nhanh chóng, dự kiến từ tháng 6/2022
- Hậu cần tài chính công ty tương đối vững vàng
- Đội ngũ công ty có bản lĩnh và kinh nghiệm

Phương hướng chung:

Tranh thủ tối đa thuận lợi thị trường hồi phục sau COVID-19, tập trung phát triển hiệu quả thị trường. Cùng cố và phát huy công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng các Xí nghiệp hiệu quả và vững mạnh.

3.1. Tập trung phát triển thị trường các mặt hàng kinh doanh của công ty

- Đối với các mặt hàng truyền thống đang phát huy tốt: như Sứ Hải Dương, Nhôm Hải Phòng, gia dụng Qui Phúc, BDPN Rạng Đông, quạt điện, Nội thất Hoà Phát, Nội thất Xuân Hoà, Điện lạnh Hoà Phát, Điện lạnh Aqua cần nỗ lực tăng cường qui mô và hiệu quả để khẳng định vị thế của thương hiệu hàng hoá và công ty trên thương trường.
- Trong phát triển mặt hàng mới tập trung cho nhóm điện tử - điện lạnh, những nhãn hiệu có thương hiệu và tiềm năng và những mặt hàng phụ kiện đi kèm
- Quan tâm củng cố mở rộng thị trường, tạo sự phát triển ổn định đối với một số mặt hàng tuy quy mô nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn với Xí nghiệp như Sứ Hải Dương, Nhựa Đại đồng tiến.

3.2. Tăng cường công tác quản trị công ty đáp ứng yêu cầu minh bạch, kịp thời, hiệu quả. Phát huy vai trò công cụ trung tâm: phần mềm Amis và hóa đơn điện tử, luôn duy trì tồn kho, dư nợ phải thu, tiến độ nhập hàng hợp lý. Giữ nghiêm kỷ luật thanh quyết toán...

3.3. Công tác tổ chức trong năm:

- Nhiệm vụ có tầm quan trọng quyết định của mỗi Xí nghiệp kinh doanh thương mại là công tác thị trường. Phải xây dựng được thị trường thân thiện, hợp tác, ổn định và phát triển. Danh mục mặt hàng kinh doanh đủ để Xí nghiệp kinh doanh, khai thác hiệu quả.
- Các Xí nghiệp cần rà soát, điều chỉnh lại phương án chia lương thưởng của mình cho phù hợp với tình hình, với trình độ kinh doanh, quản lý của mình. Cần thiết phải hình thành quỹ lương chưa chia để điều hoà lúc khó khăn
- Trong năm cần quan tâm công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo về thương mại điện tử, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

3.4. Công tác đầu tư

- Nghiên cứu đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu kinh doanh của Công ty.

3.6. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

Phát huy những ưu điểm, thành tích đã được trong năm 2021, trong công tác lãnh đạo, quản lý công ty.

- Xác lập các phương hướng mục tiêu khoa học hợp lý trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu đúng đắn giúp công ty duy trì phát triển và bền vững.

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống quy chế quản lý, đảm bảo hệ thống quản lý luôn phù hợp với sự phát triển của môi trường kinh doanh và bản thân công ty nhằm phát huy tốt nhất các tiềm năng của công ty và tận dụng tốt nhất các cơ hội thị trường đem lại.

- Làm tốt công tác giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty để đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy chế công ty.

- Từng thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phấn đấu Công ty hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đề ra, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị của Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Chu Thị Hòa và bầu bổ sung Ông Lê Anh Tuấn vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị.

Nhân sự Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP (%)		TT về giao dịch CP	Ghi chú
		Năm 2020	Năm 2021		
Trương Vạn Thành	Chủ tịch HĐQT	9,54	9,54		
Nguyễn Thanh Hải	TV HĐQT	7,50	7,50		
Lê Văn Tường	TV HĐQT	7,00	0	Bán	
Lê Anh Tuấn	TV HĐQT	0	21,93	Mua	
Lê Mạnh Chiến	TV HĐQT độc lập	0	0		

Ông Trương Vạn Thành – Chủ tịch HĐQT công ty

Quê quán: Xã Hoàng Phụ - Huyện Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: 12/3 Phố Bến Ngự - P. Trường Thi – TP Thanh Hóa
Số điện thoại liên lạc: 0903452212

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học kinh tế

Quá trình công tác:

▪	12/1988 - 09/1991	Giám đốc xí nghiệp sứ Nông Công Thanh Hoá
▪	10/1991 - 09/1994	Hiệu trưởng trường dạy nghề Thương mại và du lịch Thanh Hoá
▪	10/1994 - 09/2003	Giám đốc công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá
▪	10/2003 - 18/05/2004	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TM&DV Thanh Hoa
▪	19/05/2004 - 07/2006	Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
▪	01/06/2009- 20/05/2013	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà
▪	Từ 21/05/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT CTCP Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ: 286.300 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Thanh	Vợ	292.653
Trương Thị Thanh Huyền	Con	90.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Thanh Hải – Thành viên HĐQT (như mục II.2)

Ông Lê Văn Tường – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Lê Văn Tường**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171195060 Ngày cấp: 29/03/2013 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1958

Nơi sinh: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đông Anh - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 15 Phố Cửa Hậu – P. Điện Biên – TP Thanh Hóa
 Số điện thoại liên lạc: 0373.855.095/0912.384.845
 Trình độ văn hoá: 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật
 Quá trình công tác:

1973 - 1978	Đi bộ đội
1978 - 2000	Làm việc tại phòng kế toán Công ty công nghệ phẩm Thanh Hoá
2001 - 2002	Phó phòng kinh doanh Công ty Công nghệ phẩm Thanh Hoá
2003 - 18/04/2004	Trưởng phòng đầu tư Công ty Thương mại và Dịch vụ Thanh Hoá
19/04/2004 – 15/11/2021	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà
15/11/2021- đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Thanh Hoá - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Lê Minh Thông	Con đẻ	10.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Lê Mạnh Chiến – Thành viên HĐQT

Họ và tên : **Lê Mạnh Chiến**

Giới tính : Nam

Số CCCD : 022082004606 Ngày cấp: 04/03/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1983

Nơi sinh: Xã Liên Vị, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: P204 CT1A, Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
 Số điện thoại liên lạc: 0911313811
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác:

▪	2005 – 2010	Làm việc tại Công ty CP vật tư vận tải và xây dựng công trình
▪	2010 - 2017	Giám đốc Công ty CP tư vấn và xây dựng Long Việt
▪	2017 – T3/2019	- Giám đốc Cty CP tư vấn và xây dựng Long Việt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DH Seafood
▪	T4/2019 đến nay	- Giám đốc Cty CP tư vấn và xây dựng Long Việt - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DH Seafood - Giám đốc Công ty cổ phần Bảo Lâm Sơn La - Ủy viên HĐQT Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
Nguyễn Thị Thanh	Mẹ vợ	292.653
Trương Thị Thanh Huyền	Vợ	90.000

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Lê Anh Tuấn**

Giới tính: Nam

Số CMTND: 171211504 Ngày cấp: 21/8/2008 Nơi cấp: Công An Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 29/8/1965

Nơi sinh: Hoàng Quỳ - Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Quỳ - Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 43 Lạc Long Quân, Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc: 0913356759
Trình độ văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy lạnh và thiết bị nhiệt

Quá trình công tác:

1989 - 2008	Cán bộ Công ty CP Bia Thanh Hóa
2008 – 2010	Cán bộ Công ty CP Bia Hà Nội – CN Nghệ An
2010- đến nay	Cán bộ Công ty TNHH Cơ nhiệt điện Thành Nam
T11/2021 – đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Cơ nhiệt điện Thành Nam

Số cổ phần nắm giữ: 657.950 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm toán nội bộ

- Từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị mới của Công ty được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, HĐQT đã kiện toàn lại bộ máy tiểu ban tài chính – kế toán trực thuộc HĐQT để đảm bảo hoạt động có hiệu quả và khách quan của tiểu ban, đảm bảo thực hiện tốt chức năng tư vấn và kiểm tra giám sát cho HĐQT. (*Quyết định thành lập tiểu ban số 17/HĐQT-QĐ ngày 02/05/2018*)

- Tiểu ban gồm 3 thành viên

- Chức năng và nhiệm vụ của Tiểu ban.

Ban kiểm toán nội bộ là bộ phận tham mưu giúp việc cho HĐQT Công ty, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính và việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Quy định của HĐQT. Việc kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện theo kế hoạch và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

+ Thẩm tra báo cáo quyết toán hàng quý các đơn vị trực thuộc và toàn công ty; Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty trước thời điểm kiểm toán độc lập.

+ Báo cáo HĐQT định kỳ và theo vụ việc về kết quả công tác kiểm tra, thẩm tra, giám sát đã thực hiện.

+ Thực hiện các công việc khác do HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng tinh thần Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan quy định. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đã đề ra và chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty thực hiện theo nội dung Nghị quyết đã thống nhất.

- Công tác Quản lý giám sát của Hội đồng quản trị năm 2021

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 08 (tám) cuộc họp, ban hành các Biên bản, Nghị quyết và Quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Nghị quyết thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nghị quyết thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021.

Nghị quyết thông qua tình hình thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất tháng, quý, 6 tháng và năm; Phương hướng nhiệm vụ các tháng, quý, năm tiếp theo.

Quyết định phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2021 các đơn vị trong Công ty

Các Quyết định khen thưởng

Các Quyết định bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền HĐQT Công ty

Các Nghị quyết, Quyết định khác...

- Công tác giám sát hoạt động đối với Ban Giám đốc và Cán bộ quản lý:

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, HĐQT Công ty đã thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ cụ thể như sau:

HĐQT thực hiện việc giám sát đối với Ban Tổng giám đốc qua báo cáo tại các kỳ họp định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu;

Hội đồng quản trị cử người tham dự các cuộc họp của Ban tổng giám đốc theo lịch khi nội dung cuộc họp được trình Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền, tham dự các kỳ họp giao ban hàng tháng của Ban Tổng giám đốc;

Thông qua nội dung đánh giá của Ban kiểm soát định kỳ hàng quý về tình hình tài chính và điều hành của Ban Tổng giám đốc.

- Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thường xuyên với Ban Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT đối với Công ty.

Mọi vấn đề ra quyết định của HĐQT đều được thảo luận, thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định với Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc điều hành đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Công ty chấp hành đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quy định của Nhà nước.

Năm 2021 đại dịch COVID-19 đã tác động đặc biệt to lớn đến kinh tế xã hội nói chung và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Trong bối cảnh đó HĐQT Công ty đã có những quyết sách đúng đắn kịp thời lãnh đạo và quản lý công ty vượt qua thử thách hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đảm bảo công ăn việc làm thu nhập của người lao động, nộp ngân sách nhà nước, tăng cường công tác tổ chức các Xí nghiệp, nâng cấp công tác quản trị toàn công ty, xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá. Đây là những thành tựu hết sức có ý nghĩa khẳng định bản lĩnh, vai trò của HĐQT cũng như sự trưởng thành của hệ thống quản lý công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà có 01 thành viên HĐQT độc lập là Ông Lê Mạnh Chiến Trong năm 2021, các hoạt động của thành viên HĐQT độc lập được thực hiện theo đúng Quy định trong Điều lệ Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan.

Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT: Trong năm 2021, HĐQT của Công ty đã tiến hành đầy đủ các cuộc họp HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành, và ban hành các Biên bản và Nghị quyết làm cơ sở cho Ban Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát của Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự. Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 đã thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Nguyễn Thị Lại và bầu bổ sung Ông Nguyễn Quang Long vào chức danh thành viên Ban kiểm soát.

Nhân sự Ban kiểm soát hiện tại của Công ty như sau:

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP (%)		TT về giao dịch CP	Ghi chú
		Năm 2020	Năm 2021		
Đỗ Văn Thái	Trưởng BKS	4,28	4,37	Mua	
Cao Thị Hiền	TV BKS	1,00	1,00		
Nguyễn Quang Long	TV BKS	0	0		

Các thành viên Ban kiểm soát

- Ông Đỗ Văn Thái – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên : **Đỗ Văn Thái**

Giới tính : Nam

Số CMTND: 171015509; Ngày cấp: 01/07/2009; Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Ngày tháng năm sinh: 02/09/1961

Nơi sinh : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Xã Minh Khôi - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 183 Đường 5 Đông Phát - Đông Vệ – TP Thanh Hóa

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0915.000.669

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

▪	2/1982 - 5/1985	Đi bộ đội
▪	6/1985 - 12/1989	Làm việc tại Xí nghiệp sứ Nông Cống – Thanh Hóa
▪	1/1990 - 2/1995	Làm việc tại Trạm thú ý Nông Cống - Thanh Hoá
▪	3/1995 - 9/2003	Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Thanh Hóa
▪	10/2003 - 5/2004	Làm việc tại CTY CP TM&DV Thanh Hoa
▪	6/2004 - 1/2009	Làm việc tại CTY CP Thanh Hoa Sông Đà
▪	2/2009 -11/2013	Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà
▪	12/2013 - 9/2016	Ủy viên HĐQT, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà
▪	10/2016 - 3/2019	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Giám đốc xí nghiệp TM&DV số 2 - CTY CP Thanh Hoa - Sông Đà
▪	4/2019 đến nay	Trưởng ban kiểm soát CTY CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số cổ phần nắm giữ: 131.030 cổ phần
 Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Bà Cao Thị Hiền – Thành viên Ban BKS

Họ và tên: **Cao Thị Hiền**
 Giới tính: Nữ
 Số Thẻ CCCD: 038182010560 Ngày cấp: 19/04/2018
 Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982
 Nơi sinh: Xã Hoằng Quang – Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Xã Hoằng Quang – Huyện Hoằng Hóa - Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 5/183 Trần Bình Trọng - P.Quảng Hưng - TP T. Hoá
 Số điện thoại liên lạc: 0941046996
 Trình độ văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
 Quá trình công tác:

▪	09/2003 - 05/2004	Làm việc tại Công ty CP TM&DV Thanh Hoa
▪	06/2004 - 05/2013	Nhân viên Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
▪	06/2013 – 05/2014	Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà
▪	06/2014 đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát, Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên BKS, Phó Phòng Hành chính Cty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
 Số cổ phần nắm giữ: 30.000 cổ phần
 Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Quang Long – Thành viên BKS

Họ và tên: **Nguyễn Quang Long**
 Giới tính: Nam

Số CMTND: 038071000188 Ngày cấp: 9/5/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát

Ngày tháng năm sinh: 01/5/1971

Nơi sinh: Hoàng Đạo - Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hoàng Đạo - Hoàng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 116 Trịnh Khả, Phường Đông Vệ, TPTH

Số điện thoại liên lạc: 0936384968

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

2001 - 2007	Kế toán Công ty Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh hóa
2009 - 2015	Công ty CP Vật tư tổng hợp Thanh Hóa
2015 - đến nay	Kế toán Công ty TNHH Cơ nhiệt điện Thành Nam
T11/2021 – đến nay	Ủy viên Ban kiểm soát CTY CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Thanh Hoa Sông Đà

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do những người có liên quan nắm giữ:

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021 ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, nhằm duy trì việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.

- Khi được xin ý kiến, các thành viên BKS đã gửi ý kiến về HĐQT Công ty đầy đủ.

- Tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, ban Tổng giám đốc Công ty năm 2019 cụ thể:

- Xem xét pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong năm 2019 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

- Thẩm định báo cáo Tài chính các quý, cũng như năm của Công ty, nhằm đánh giá trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam..

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, lương và thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thanh toán như sau:

ĐVT: VNĐ

TT	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng 1 tháng lương – thù lao
1	Chủ tịch HĐQT (1 người)		402.900.000	33.575.000
2	Thành viên HĐQT (4 người)	422.400.000		35.200.000
3	Trưởng ban kiểm soát (1 người)	66.000.000		5.500.000
4	Thành viên BKS (2 người)	79.200.000		6.600.000

Tổng lương, thù lao và tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2021 là: 1.051.375.000 đồng (Một tỷ không trăm năm một triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có

VI. Báo cáo tài chính

Số: *M.*/2022/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà được lập ngày 14 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist.1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

4 LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.803.192.944	50.496.730.101
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.198.290.014	4.608.544.374
1.	Tiền	111		4.198.290.014	3.858.544.374
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	750.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.591.762.075	10.851.296.127
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	6.114.257.035	5.023.042.471
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	404.443.481	712.340.910
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	5.916.745.718	6.068.224.655
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(843.684.159)	(952.311.909)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	32.874.454.487	34.211.918.050
1.	Hàng tồn kho	141		33.389.751.223	34.774.441.390
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(515.296.736)	(562.523.340)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.138.686.368	824.971.550
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	152.753.256	132.661.348
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		819.104.915	692.310.202
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	166.828.197	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.197.745.584	26.400.510.881
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		12.505.833.273	13.963.142.623
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	12.505.833.273	13.963.142.623
	- Nguyên giá	222		26.600.803.432	26.350.692.910
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.094.970.159)	(12.387.550.287)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.08	11.599.502.935	12.208.153.015
1.	Nguyên giá	231		20.870.696.426	20.870.696.426
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(9.271.193.491)	(8.662.543.411)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		92.409.376	229.215.243
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	92.409.376	229.215.243
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.000.938.528	76.897.240.982

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		34.362.683.313	38.272.363.253
I.	Nợ ngắn hạn	310		34.362.683.313	38.272.363.253
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	16.317.250.379	26.642.518.599
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		772.640.669	581.145.648
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	414.961.187	246.070.851
4.	Phải trả người lao động	314		446.692.689	715.217.807
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	-	763.636.364
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	262.575.284	491.877.442
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	15.562.530.713	8.073.620.150
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		586.032.392	758.276.392
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.638.255.216	38.624.877.729
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	39.638.255.216	38.624.877.729
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		8.023.178.729	7.600.948.010
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.777.096.487	3.185.949.719
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.777.096.487	3.185.949.719
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.000.938.528	76.897.240.982

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	278.554.313.308	263.075.553.608
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	138.804.546	41.614.632
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		278.415.508.762	263.033.938.976
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	258.106.183.932	243.761.241.182
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.309.324.830	19.272.697.794
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	295.388.814	598.621.860
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	863.609.908	525.702.494
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		863.609.908	525.702.494
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	10.552.980.317	11.721.772.082
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	5.028.513.272	4.351.337.009
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.159.610.148	3.272.508.069
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	1.618.172.812	1.965.379.669
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.055.273.382	1.254.986.778
13.	Lợi nhuận khác	40		562.899.430	710.392.891
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.722.509.578	3.982.900.960
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	945.413.091	796.951.241
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.777.096.487	3.185.949.719
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.346	1.156
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.346	1.156

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4.722.509.578	3.982.900.960
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.573.243.066	2.571.419.986
-	Các khoản dự phòng	03		(155.854.354)	(375.185.256)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(321.070.059)	(638.769.350)
-	Chi phí lãi vay	06		863.609.908	525.702.494
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		7.682.438.138	6.066.068.834
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(820.461.108)	(1.828.415.748)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.384.690.167	(7.397.812.242)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(11.258.864.652)	6.109.594.116
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		116.713.959	(13.342.621)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(863.609.908)	(525.702.494)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(766.708.443)	(807.071.749)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(235.963.000)	(103.775.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.761.764.846)	1.499.543.096
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(507.283.636)	(2.443.583.364)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		109.090.909	378.181.819
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		106.979.150	260.587.531
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(291.213.577)	(1.804.814.014)

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		113.508.223.775	102.366.765.721
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(106.019.313.212)	(99.828.447.671)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.846.186.500)	(2.683.783.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.642.724.063	(145.464.950)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(410.254.360)	(450.735.868)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.608.544.374	5.059.280.242
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.198.290.014	4.608.544.374

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kinh doanh hàng hóa và cho thuê văn phòng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 1	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P.Lam Sơn, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 3	Số 301 Trần Phú, P.Ba Đình, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa
Xí nghiệp Thương mại - Dịch vụ số 6	Lô CC4, KCN Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số nhân viên của Công ty là 64 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 64 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	04 – 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

30 – 36 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	4.198.290.014	3.858.544.374
+ Tiền mặt	1.483.743.760	1.161.098.451
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.714.546.254	2.697.445.923
- Các khoản tương đương tiền (*)	-	750.000.000
Cộng	4.198.290.014	4.608.544.374

02. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.114.257.035	5.023.042.471
- Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Thủy lợi Tân Hạnh	340.706.000	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.773.551.035	5.023.042.471
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	6.114.257.035	5.023.042.471

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	127.792.000

03. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	404.443.481	712.340.910
- Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến	182.499.520	-
- Công ty Cổ phần May Sông Hồng	201.865.209	678.698.420
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	20.078.752	33.642.490
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	404.443.481	712.340.910

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	5.916.745.718	-	6.068.224.655	50.100.829
- Tạm ứng	6.460.161	-	9.961.355	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu tiền thưởng doanh số	2.798.017.757	-	2.990.431.977	-
+ Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	1.059.691.234	-	1.156.831.079	-
+ Công ty Cổ phần May Sông Hồng	20.000.000	-	50.000.000	-
+ Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam	213.000.000	-	289.194.259	-
+ Công ty Cổ phần Phích nước Rạng Đông	1.087.290.000	-	1.258.044.000	-
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Vinh Phát	-	-	25.775.000	-
+ Công ty Cổ phần sứ Hải Dương	40.000.000	-	90.587.639	-
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Quý Phúc	17.258.366	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Liên doanh Kangaroo quốc tế	360.778.157	-	-	-
+ Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy	-	-	120.000.000	-
- Lãi dự thu	105.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	7.267.800	-	67.831.323	50.100.829
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	5.916.745.718	-	6.068.224.655	50.100.829

05. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Huy Phát	Trên 3 năm	331.690.000	-	Trên 3 năm	331.690.000	-
Công ty TNHH MTV TM XNK Minh Thảo	Trên 3 năm	112.625.501	-	Trên 3 năm	112.625.501	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		418.183.158	18.814.500		582.362.846	74.366.438
	6T - 1 năm	-	-	6T - 1 năm	14.523.950	10.166.765
	1 - 2 năm	-	-	1 - 2 năm	127.311.000	63.655.500
	2 - 3 năm	62.715.000	18.814.500	2 - 3 năm	1.813.909	544.173
	Trên 3 năm	355.468.158	-	Trên 3 năm	438.713.987	-
Cộng		862.498.659	18.814.500		1.026.678.347	74.366.438

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	33.389.751.223	(515.296.736)	34.774.441.390	(562.523.340)
Cộng	33.389.751.223	(515.296.736)	34.774.441.390	(562.523.340)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>14.603.333.395</i>	<i>4.413.794.233</i>	<i>7.333.565.282</i>	<i>26.350.692.910</i>
- Mua trong năm	-	-	507.283.636	507.283.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(257.173.114)	(257.173.114)
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>14.603.333.395</i>	<i>4.413.794.233</i>	<i>7.583.675.804</i>	<i>26.600.803.432</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>4.833.654.508</i>	<i>4.192.569.750</i>	<i>3.361.326.029</i>	<i>12.387.550.287</i>
- Khấu hao trong năm	969.404.360	150.678.796	844.509.830	1.964.592.986
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(257.173.114)	(257.173.114)
- Phân loại lại	-	(227.087.761)	227.087.761	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>5.803.058.868</i>	<i>4.116.160.785</i>	<i>4.175.750.506</i>	<i>14.094.970.159</i>
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>9.769.678.887</i>	<i>221.224.483</i>	<i>3.972.239.253</i>	<i>13.963.142.623</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>8.800.274.527</i>	<i>297.633.448</i>	<i>3.407.925.298</i>	<i>12.505.833.273</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 6.500.433.389 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.769.110.310 đồng và 9.241.399.224 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	20.870.696.426	-	-	20.870.696.426
II. Giá trị hao mòn lũy kế	8.662.543.411	608.650.080	-	9.271.193.491
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.662.543.411	608.650.080	-	9.271.193.491
III. Giá trị còn lại	12.208.153.015	-	608.650.080	11.599.502.935
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	12.208.153.015	-	608.650.080	11.599.502.935

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bất động sản đầu tư là Trung tâm thương mại số 25 Lê Lợi có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.488.315.193 đồng và 9.267.137.761 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	152.753.256	132.661.348
- Chi phí bảo hiểm	69.742.646	59.887.311
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	25.203.886	19.736.832
- Chi phí thuê kho	25.000.000	-
- Chi phí sửa chữa	18.852.769	-
- Các khoản khác	13.953.955	53.037.205
b. Dài hạn	92.409.376	229.215.243
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	43.217.589	74.002.043
- Chi phí sửa chữa tài sản	-	62.117.992
- Các khoản khác	49.191.787	93.095.208
Cộng	245.162.632	361.876.591

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	8.073.620.150	8.073.620.150	113.508.223.775	106.019.313.212	15.562.530.713	15.562.530.713
- Vay ngân hàng	8.052.689.000	8.052.689.000	112.508.223.775	105.019.313.212	15.541.599.563	15.541.599.563
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	8.052.689.000	8.052.689.000	112.508.223.775	105.019.313.212	15.541.599.563	15.541.599.563
- Chi nhánh Thanh Hóa (*)						
- Vay đối tượng khác	20.931.150	20.931.150	1.000.000.000	1.000.000.000	20.931.150	20.931.150
+ Bà Nguyễn Thị Hoa	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
+ Ông Trần Phú Nhâm (**)	20.931.150	20.931.150	-	-	20.931.150	20.931.150
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	8.073.620.150	8.073.620.150	113.508.223.775	106.019.313.212	15.562.530.713	15.562.530.713

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

(*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-202100435 ngày 09/4/2021, thời hạn cấp tín dụng đến 04/9/2022, hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh kỳ tài chính 2021-2022. Thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số: 01-2014 THSD/HĐTC ngày 18/4/2014, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 3500/HS/091/2020/HĐBBĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, hợp đồng thế chấp tài sản số 3500/HS/056/2021 ngày 06 tháng 5 năm 2021 và các phụ lục hợp đồng thế chấp khác.

(**) Khoản vay cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay trong năm là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	16.317.250.379	16.317.250.379	26.642.518.599	26.642.518.599
- Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	5.101.120.276	5.101.120.276	1.728.712.198	1.728.712.198
- Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	3.064.383.302	3.064.383.302	15.887.731.259	15.887.731.259
- Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	1.169.721.583	1.169.721.583	2.289.633.696	2.289.633.696
- Công ty TNHH Thương mại Hương Thủy	1.734.455.005	1.734.455.005	1.502.183.012	1.502.183.012
- Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	2.429.274.600	2.429.274.600	1.865.258.186	1.865.258.186
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.818.295.613	2.818.295.613	3.369.000.248	3.369.000.248
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	16.317.250.379	16.317.250.379	26.642.518.599	26.642.518.599

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp		Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
		Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm			
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	1.519.157.385	1.685.985.582	166.828.197	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	208.314.166	945.413.091	766.708.443	-	387.018.814
- Thuế thu nhập cá nhân	-	37.756.685	238.168.579	247.982.891	-	27.942.373
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.402.962.281	1.402.962.281	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.877.900	7.877.900	-	-
Cộng	-	246.070.851	4.113.579.236	4.111.517.097	166.828.197	414.961.187

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	262.575.284	491.877.442
- Kinh phí công đoàn	-	1.485.384
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.448.133	15.448.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	85.057.425	231.243.925
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	162.069.726	243.700.000
+ Chi phí tri ân, hỗ trợ khách hàng	160.604.545	243.700.000
+ Các đối tượng khác	1.465.181	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	262.575.284	491.877.442

14. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	-	763.636.364
- Doanh thu cho thuê tài sản	-	763.636.364
b. Dài hạn	-	-
Cộng	-	763.636.364

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀSố 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.288.394.010	3.125.541.988	38.251.915.998
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	3.185.949.719	3.185.949.719
Phân phối lợi nhuận	-	-	312.554.000	(3.125.541.988)	(2.812.987.988)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	(2.162.020.000)	7.600.948.010	3.185.949.719	38.624.877.729
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	-	3.777.096.487	3.777.096.487
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	422.230.719	(3.185.949.719)	(2.763.719.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	30.000.000.000	(2.162.020.000)	8.023.178.729	3.777.096.487	39.638.255.216

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 14/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền
Trích quỹ đầu tư phát triển	422.230.719
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	63.719.000
Trích cổ tức chi trả	2.700.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	3.185.949.719

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu,

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
+ Ông Trương Vạn Thành	2.863.000.000	9,54	2.863.000.000	9,54
+ Ông Nguyễn Thanh Hải	2.250.000.000	7,50	2.250.000.000	7,50
+ Ông Lê Anh Tuấn	6.579.500.000	21,93	-	-
+ Ông Nguyễn Xuân Bắc	2.984.140.000	9,95	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	2.148.410.000	7,16	773.420.000	2,58
+ Ông Lê Văn Tường	-	-	2.100.000.000	7,00
+ Bà Chu Thị Hòa	-	-	2.000.000.000	6,67
+ Các đối tượng khác	15.323.360.000	51,08	20.013.580.000	66,71
Cộng	30.000.000.000	100	30.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.700.000.000	2.700.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	300.000	300.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.023.178.729	7.600.948.010
Cộng	8.023.178.729	7.600.948.010

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.105.494.109	987.775.330

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	268.545.316.155	254.245.339.247
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	10.008.997.153	8.830.214.361
Cộng	<u>278.554.313.308</u>	<u>263.075.553.608</u>

Trong đó:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	-	346.832.727

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	25.250.000	-
- Hàng bán bị trả lại	113.554.546	41.614.632
Cộng	<u>138.804.546</u>	<u>41.614.632</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	256.257.159.912	241.861.129.149
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	1.896.250.624	2.172.224.310
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(47.226.604)	(272.112.277)
Cộng	<u>258.106.183.932</u>	<u>243.761.241.182</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	211.979.150	260.587.531
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	83.409.664	338.034.329
Cộng	<u>295.388.814</u>	<u>598.621.860</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	863.609.908	525.702.494
Cộng	<u>863.609.908</u>	<u>525.702.494</u>

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi thanh lý TSCĐ	109.090.909	378.181.819
- Tiền điện nước	1.013.315.779	1.256.988.722
- Tiền khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	476.950.786	168.658.050
- Xử lý công nợ	6.815.338	11.797.226
- Các khoản khác	12.000.000	149.753.852
Cộng	<u>1.618.172.812</u>	<u>1.965.379.669</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	1.041.063.027	1.241.540.296
- Các khoản bị phạt	3.855.876	1.855.243
- Chi phí khác	10.354.479	11.591.239
Cộng	1.055.273.382	1.254.986.778

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.028.513.272	4.351.337.009
- Chi phí nhân viên quản lý	3.226.588.113	2.660.642.870
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	87.882.630	78.131.237
- Chi phí khấu hao TSCĐ	330.240.218	210.628.366
- Thuế, phí và lệ phí	49.525.883	137.969.653
- Chi phí dự phòng	9.091.029	(103.072.979)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.144.284	188.612.520
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.122.041.115	1.178.425.342
b. Chi phí bán hàng	10.552.980.317	11.721.772.082
- Chi phí nhân viên	5.305.697.313	6.164.775.825
- Chi phí vật liệu, bao bì	766.761.511	613.958.467
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	88.217.561	149.210.154
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.634.352.768	1.752.081.660
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	667.915.489	1.161.249.114
- Các khoản chi phí bán hàng khác	2.090.035.675	1.880.496.862
Cộng	15.581.493.589	16.073.109.091

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	945.413.091	796.951.241
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	945.413.091	796.951.241

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.722.509.578	3.982.900.960
Các khoản điều chỉnh tăng	4.555.876	1.855.243
<i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i>	<i>3.855.876</i>	<i>1.855.243</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>700.000</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.727.065.454	3.984.756.203
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	945.413.091	796.951.241

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.777.096.487	3.185.949.719
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.777.096.487	3.185.949.719
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	144.000.000	63.719.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.346</u>	<u>1.156</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2021 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.777.096.487	3.185.949.719
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.777.096.487	3.185.949.719
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	144.000.000	63.719.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.346</u>	<u>1.156</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2021 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

01. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	8.532.285.426	8.825.418.695
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.573.243.066	2.571.419.986
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	871.059.773	1.349.861.634
- Chi phí khác bằng tiền	5.492.064.919	5.601.706.065
- Chi phí dự phòng	9.091.029	(103.072.979)
Cộng	<u>17.477.744.213</u>	<u>18.245.333.401</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Ông Trương Xuân Thiên - Con ruột ông Trương Vạn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Thanh lý TSCĐ	-	363.636.364
Bà Nguyễn Thị Hoa - Vợ ông Nguyễn Thanh Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty		
Vay	1.000.000.000	-
Trả vay	1.000.000.000	-
Lãi vay	12.753.750	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không còn công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.291.040.750	1.141.751.716
Thù lao	462.000.000	552.000.000
Cộng	<u>1.753.040.750</u>	<u>1.693.751.716</u>

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt năm 2021:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tổng thu nhập</u>
Ông Trương Vạn Thành	Chủ tịch HĐQT	402.900.000	-	402.900.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	240.132.000	105.600.000	345.732.000
Ông Lê Văn Tường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	180.081.000	105.600.000	285.681.000
Ông Lê Mạnh Chiến	Thành viên HĐQT	-	105.600.000	105.600.000
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	13.200.000	13.200.000
Bà Chu Thị Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	100.596.000	92.400.000	192.996.000
Ông Phạm Văn Lợi	Phó Tổng Giám đốc	197.519.750	-	197.519.750
Bà Vũ Thị Lý	Kế toán trưởng	169.812.000	39.600.000	209.412.000
Cộng		<u>1.291.040.750</u>	<u>462.000.000</u>	<u>1.753.040.750</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La

Mối quan hệ

Ông Lê Mạnh Chiến - Thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	-	346.832.727
Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La	-	346.832.727

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	127.792.000
Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La	-	127.792.000
Cộng nợ phải thu	-	127.792.000

03. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại;
- Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Kinh doanh BĐS	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	268.406.511.609	10.008.997.153	278.415.508.762	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	267.265.132.976	6.990.765.639	274.255.898.615	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.141.378.634	3.018.231.514	4.159.610.148	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	530.113.909	-	530.113.909	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.115.016.457	608.650.080	2.723.666.537	
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.203.145.579	11.599.502.935	69.802.648.514	
- Tài sản không phân bổ			4.198.290.014	
Tổng tài sản	58.203.145.579	11.599.502.935	74.000.938.528	
- Nợ phải trả bộ phận	33.746.679.113	29.971.808	33.776.650.921	
- Nợ phải trả không phân bổ			586.032.392	
Tổng nợ phải trả	33.746.679.113	29.971.808	34.362.683.313	

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ
Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Thương mại	Kinh doanh BDS	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	254.220.840.979	8.813.097.997	263.033.938.976
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	241.660.229.107	18.101.201.800	259.761.430.907
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.560.611.872	(9.288.103.803)	3.272.508.069
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.623.001.885	-	2.623.001.885
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.103.682.613	608.709.960	2.712.392.573
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.080.543.593	12.208.153.015	72.288.696.608
- Tài sản không phân bổ			4.608.544.374
Tổng tài sản	60.080.543.593	12.208.153.015	76.897.240.982
- Nợ phải trả bộ phận	36.726.486.728	787.600.133	37.514.086.861
- Nợ phải trả không phân bổ			758.276.392
Tổng nợ phải trả	36.726.486.728	787.600.133	38.272.363.253

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.198.290.014	-	4.608.544.374	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.024.542.592	(843.684.159)	8.081.305.771	(952.311.909)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	13.222.832.606	(843.684.159)	12.689.850.145	(952.311.909)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	16.317.250.379	26.642.518.599	(*)	(*)
Vay và nợ	15.562.530.713	8.073.620.150	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	247.127.151	474.943.925	(*)	(*)
Cộng	32.126.908.243	35.191.082.674		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	16.317.250.379	-	-	16.317.250.379
Vay và nợ	15.562.530.713	-	-	15.562.530.713
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	247.127.151	-	-	247.127.151
Cộng	<u>32.126.908.243</u>	-	-	<u>32.126.908.243</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	26.642.518.599	-	-	26.642.518.599
Vay và nợ	8.073.620.150	-	-	8.073.620.150
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	474.943.925	-	-	474.943.925
Cộng	<u>35.191.082.674</u>	-	-	<u>35.191.082.674</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Số 25 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc. Trong đó, một số chỉ tiêu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.130	1.156
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.130	1.156

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Vũ Thị Lý

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

Nơi nhận:

- Như K/g;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TK HĐQT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hải